

Số: 915/TB-ĐHĐT

Đồng Tháp, ngày 8 tháng 9 năm 2020

THÔNG BÁO

**ĐIỂM TRÚNG TUYỂN CÁC NGÀNH TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC; CAO ĐẲNG GDMN
BẰNG PHƯƠNG THỨC XÉT TUYỂN KẾT QUẢ HỌC TẬP LỚP 12 THPT (ĐỢT 2)
VÀ NHẬN HỒ SƠ XÉT TUYỂN ĐỢT 3 ĐẾN HẾT NGÀY 20/11/2020**

Căn cứ Thông tư số 09/2020/TT-BGDĐT ngày 7 tháng 5 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế tuyển sinh trình độ đại học; tuyển sinh trình độ cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non;

Căn cứ Đề án tuyển sinh số 456/ĐA-ĐHĐT ngày 29 tháng 5 năm 2020 của Trường Đại học Đồng Tháp về việc ban hành Đề án tuyển sinh trình độ đại học; tuyển sinh trình độ cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non;

Căn cứ hồ sơ đăng ký xét tuyển theo phương thức xét tuyển theo kết quả học tập lớp 12 THPT, đợt 2 đến 24/9/2020 của các thí sinh;

Hội đồng tuyển sinh Trường Đại học Đồng Tháp thống nhất điểm trúng tuyển của các ngành trình độ đại học xét tuyển theo phương thức trên, như sau:

I. ĐIỂM TRÚNG TUYỂN CÁC NGÀNH TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC; CAO ĐẲNG GDMN

1. Điểm trúng tuyển:

TT	Tên ngành	Mã ngành	Tổ hợp môn	Môn xét tuyển	ĐIỂM TRÚNG TUYỂN (ĐTT)	Môn chính
CÁC NGÀNH ĐẠI HỌC						
1	Giáo dục Mầm non	7140201	M00	Văn, Toán, NK GDMN	23	NK GDMN
			M05	Văn, Sử, NK GDMN		
			M07	Văn, Địa, NK GDMN		
			M11	Văn, Tiếng Anh, NK GDMN		
2	Giáo dục Tiểu học	7140202	C01	Văn, Toán, Lý	24	
			C03	Văn, Toán, Sử		
			C04	Văn, Toán, Địa		
			D01	Văn, Toán, Tiếng Anh		
3	Giáo dục Chính trị	7140205	C00	Văn, Sử, Địa	24	
			C19	Văn, Sử, GD CD		
			D01	Văn, Toán, Tiếng Anh		
			D14	Văn, Sử, Tiếng Anh		
4	Giáo dục Thể chất	7140206	T00	Toán, Sinh, NK TDTT	22.93	NK TDTT
			T05	Văn, GD CD, NK TDTT		

TT	Tên ngành	Mã ngành	Tổ hợp môn	Môn xét tuyển	ĐIỂM TRÚNG TUYỂN (ĐTT)	Môn chính
			T06	Toán, Địa, NKTDĐT		
			T07	Văn, Địa, NKTDĐT		
5	Sư phạm Toán học	7140209	A00	Toán, Lý, Hóa	24	
			A01	Toán, Lý, Tiếng Anh		
			A02	Toán, Lý, Sinh		
			A04	Toán, Lý, Địa		
6	Sư phạm Tin học	7140210	A00	Toán, Lý, Hóa	24	
			A01	Toán, Lý, Tiếng Anh		
			A02	Toán, Lý, Sinh		
			A04	Toán, Lý, Địa		
7	Sư phạm Vật lý	7140211	A00	Toán, Lý, Hóa	24	
			A01	Toán, Lý, Tiếng Anh		
			A02	Toán, Lý, Sinh		
			A04	Toán, Lý, Địa		
8	Sư phạm Hóa học	7140212	A00	Toán, Lý, Hóa	24	
			B00	Toán, Hóa, Sinh		
			D07	Toán, Hóa, Tiếng Anh		
			A06	Toán, Hóa, Địa		
9	Sư phạm Sinh học	7140213	A02	Toán, Lý, Sinh	24	
			B00	Toán, Hóa, Sinh		
			D08	Toán, Sinh, Tiếng Anh		
			B02	Toán, Sinh, Địa		
10	Sư phạm Ngữ văn	7140217	C00	Văn, Sử, Địa	24	
			C19	Văn, Sử, GDCD		
			D14	Văn, Sử, Tiếng Anh		
			D15	Văn, Địa, Tiếng Anh		
11	Sư phạm Lịch sử	7140218	C00	Văn, Sử, Địa	24	
			C19	Văn, Sử, GDCD		
			D14	Văn, Sử, Tiếng Anh		
			D09	Toán, Sử, Tiếng Anh		
12	Sư phạm Địa lý	7140219	C00	Văn, Sử, Địa	24	
			C04	Văn, Toán, Địa		
			D10	Toán, Địa, Tiếng Anh		
			A07	Toán, Sử, Địa		
13	Sư phạm Âm nhạc	7140221	N00	Văn, Hát, Thẩm âm-Tiết tấu	21	Hát
			N01	Toán, Hát, Thẩm âm-Tiết tấu		
14	Sư phạm Mỹ thuật	7140222	H00	Văn, Trang trí, Hình họa	18.35	Hình họa
			H07	Toán, Trang trí, Hình họa		
15	Sư phạm Tiếng Anh	7140231	D01	Văn, Toán, Tiếng Anh	24	Tiếng Anh
			D14	Văn, Sử, Tiếng Anh		

TT	Tên ngành	Mã ngành	Tổ hợp môn	Môn xét tuyển	ĐIỂM TRÚNG TUYỂN (ĐTT)	Môn chính
			D15			
			D13			
16	Sư phạm Công nghệ	7140246	A00	Toán, Lý, Hóa	24	
			A01	Toán, Lý, Tiếng Anh		
			A02	Toán, Lý, Sinh		
			A04	Toán, Lý, Địa		
17	Việt Nam học	7310630	C00	Văn, Sử, Địa	19	
			C19	Văn, Sử, GDCD		
			C20	Văn, Địa, GDCD		
			D01	Văn, Toán, Tiếng Anh		
18	Ngôn ngữ Anh - Biên-phiên dịch - Tiếng Anh kinh doanh - Tiếng Anh du lịch	7220201	D01	Văn, Toán, Tiếng Anh	20	Tiếng Anh
			D14	Văn, Sử, Tiếng Anh		
			D15	Văn, Địa, Tiếng Anh		
			D13	Văn, Sinh, Tiếng Anh		
19	Ngôn ngữ Trung Quốc	7220204	C00	Văn, Sử, Địa	20	
			D01	Văn, Toán, Tiếng Anh		
			D14	Văn, Sử, Tiếng Anh		
			D15	Văn, Địa, Tiếng Anh		
20	Quản lý văn hóa	7229042	C00	Văn, Sử, Địa	19	
			C19	Văn, Sử, GDCD		
			C20	Văn, Địa, GDCD		
			D14	Văn, Sử, Tiếng Anh		
21	Quản trị kinh doanh	7340101	A00	Toán, Lý, Hóa	19	
			A01	Toán, Lý, Tiếng Anh		
			D01	Văn, Toán, Tiếng Anh		
			D10	Toán, Địa, Tiếng Anh		
22	Tài chính - Ngân hàng	7340201	A00	Toán, Lý, Hóa	19	
			A01	Toán, Lý, Tiếng Anh		
			D01	Văn, Toán, Tiếng Anh		
			D10	Toán, Địa, Tiếng Anh		
23	Kế toán	7340301	A00	Toán, Lý, Hóa	20	
			A01	Toán, Lý, Tiếng Anh		
			D01	Văn, Toán, Tiếng Anh		
			D10	Toán, Địa, Tiếng Anh		
24	Khoa học môi trường	7440301	A00	Toán, Lý, Hóa	19	
			B00	Toán, Hóa, Sinh		
			D07	Toán, Hóa, Tiếng Anh		
			D08	Toán, Sinh, Tiếng Anh		
25	Khoa học Máy tính	7480101	A00	Toán, Lý, Hóa	20	
			A01	Toán, Lý, Tiếng Anh		

VÀ
ĐIỂM
ĐẠT
HẠP

TT	Tên ngành	Mã ngành	Tổ hợp môn	Môn xét tuyển	ĐIỂM TRÚNG TUYỂN (ĐTT)	Môn chính
			A02	Toán, Lý, Sinh		
			A04	Toán, Lý, Địa		
26	Nông học	7620109	A00	Toán, Lý, Hóa	19	
			B00	Toán, Hóa, Sinh		
			D07	Toán, Hóa, Tiếng Anh		
			D08	Toán, Sinh, Tiếng Anh		
27	Nuôi trồng thủy sản	7620301	A00	Toán, Lý, Hóa	19	
			B00	Toán, Hóa, Sinh		
			D07	Toán, Hóa, Tiếng Anh		
			D08	Toán, Sinh, Tiếng Anh		
28	Công tác xã hội	7760101	C00	Văn, Sử, Địa	19	
			C19	Văn, Sử, GDCD		
			C20	Văn, Địa, GDCD		
			D14	Văn, Sử, Tiếng Anh		
29	Quản lý đất đai	7850103	A00	Toán, Lý, Hóa	19	
			A01	Toán, Lý, Tiếng Anh		
			B00	Toán, Hóa, Sinh		
			D07	Toán, Hóa, Tiếng Anh		
CÁC NGÀNH CAO ĐẲNG						
17	Giáo dục Mầm non	51140201	M00	Văn, Toán, NK GDMN	19.5	NK GDMN
			M05	Văn, Sử, NK GDMN		
			M07	Văn, Địa, NK GDMN		
			M11	Văn, Tiếng Anh, NK GDMN		

*** Cách tính điểm trúng tuyển:**

- Đối với các ngành **không có** môn chính

ĐTT = [(Điểm môn 1 + Điểm môn 2 + Điểm Môn 3)] (làm tròn đến hai chữ số thập phân) + điểm ưu tiên (KV + đối tượng).

- Đối với các ngành **có** môn chính

ĐTT = [(Điểm môn 1 + Điểm môn 2 + (Điểm Môn chính x 2)) x 3/4] (làm tròn đến hai chữ số thập phân) + điểm ưu tiên (KV + đối tượng).

2. Trúng tuyển và điều kiện trúng tuyển

- Tốt nghiệp THPT hoặc tương đương;

- Đạt ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào theo quy định của phương thức xét tuyển tương ứng;

- Điểm xét tuyển của thí sinh từ bằng hoặc lớn hơn **ĐTT** của ngành tương ứng. Mỗi phương thức xét tuyển, thí sinh được xét trúng tuyển 1 nguyện vọng có thứ tự ưu tiên cao nhất trong số những nguyện vọng đủ **ĐTT**.

- Thí sinh tra cứu kết quả trúng tuyển tại địa chỉ: http://tuyensinh.dthu.edu.vn/tuyensinh2020_hb

ĐÀO

3. Thời gian và phương thức xác nhận nhập học

- Thời gian xác nhận nhập học: Từ ngày ra thông báo đến 17g00 ngày 05/10/2020 (tính theo dấu bưu điện).

- Phương thức xác nhận nhập học: xem hướng dẫn đính kèm.

II. NHẬN HỒ SƠ XÉT TUYỂN ĐỢT 3 THEO PHƯƠNG THỨC LẤY KẾT QUẢ HỌC TẬP LỚP 12

1. Danh mục các ngành, chỉ tiêu và điểm xét tuyển

TT	Tên ngành	Mã ngành	Tổ hợp môn	Môn xét tuyển	Chỉ tiêu	ĐIỂM XÉT TUYỂN	Môn chính
CÁC NGÀNH ĐẠI HỌC							
1	Giáo dục Mầm non	7140201	M00	Văn, Toán, NK GDMN	62	23	NK GDMN
			M05	Văn, Sử, NK GDMN			
			M07	Văn, Địa, NK GDMN			
			M11	Văn, Tiếng Anh, NK GDMN			
2	Giáo dục Chính trị	7140205	C00	Văn, Sử, Địa	7	24	
			C19	Văn, Sử, GDCD			
			D01	Văn, Toán, Tiếng Anh			
			D14	Văn, Sử, Tiếng Anh			
3	Su phạm Tin học	7140210	A00	Toán, Lý, Hóa	7	24	
			A01	Toán, Lý, Tiếng Anh			
			A02	Toán, Lý, Sinh			
			A04	Toán, Lý, Địa			
4	Su phạm Vật lý	7140211	A00	Toán, Lý, Hóa	4	24	
			A01	Toán, Lý, Tiếng Anh			
			A02	Toán, Lý, Sinh			
			A04	Toán, Lý, Địa			
5	Su phạm Hóa học	7140212	A00	Toán, Lý, Hóa	10	24	
			B00	Toán, Hóa, Sinh			
			D07	Toán, Hóa, Tiếng Anh			
			A06	Toán, Hóa, Địa			
6	Su phạm Sinh học	7140213	A02	Toán, Lý, Sinh	6	24	
			B00	Toán, Hóa, Sinh			
			D08	Toán, Sinh, Tiếng Anh			
			B02	Toán, Sinh, Địa			
7	Su phạm Ngữ văn	7140217	C00	Văn, Sử, Địa	3	24	
			C19	Văn, Sử, GDCD			
			D14	Văn, Sử, Tiếng Anh			
			D15	Văn, Địa, Tiếng Anh			
8	Su phạm Lịch sử	7140218	C00	Văn, Sử, Địa	6	24	
			C19	Văn, Sử, GDCD			
			D14	Văn, Sử, Tiếng Anh			
			D09	Toán, Sử, Tiếng Anh			

TT	Tên ngành	Mã ngành	Tổ hợp môn	Môn xét tuyển	Chỉ tiêu	ĐIỂM XÉT TUYỂN	Môn chính
9	Su phạm Địa lý	7140219	C00	Văn, Sử, Địa	7	24	
			C04	Văn, Toán, Địa			
			D10	Toán, Địa, Tiếng Anh			
			A07	Toán, Sử, Địa			
10	Việt Nam học	7310630	C00	Văn, Sử, Địa	20	19	
			C19	Văn, Sử, GD&CD			
			C20	Văn, Địa, GD&CD			
			D01	Văn, Toán, Tiếng Anh			
11	Quản lý văn hóa	7229042	C00	Văn, Sử, Địa	17	19	
			C19	Văn, Sử, GD&CD			
			C20	Văn, Địa, GD&CD			
			D14	Văn, Sử, Tiếng Anh			
12	Khoa học môi trường	7440301	A00	Toán, Lý, Hóa	22	19	
			B00	Toán, Hóa, Sinh			
			D07	Toán, Hóa, Tiếng Anh			
			D08	Toán, Sinh, Tiếng Anh			
13	Nông học	7620109	A00	Toán, Lý, Hóa	12	19	
			B00	Toán, Hóa, Sinh			
			D07	Toán, Hóa, Tiếng Anh			
			D08	Toán, Sinh, Tiếng Anh			
14	Nuôi trồng thủy sản	7620301	A00	Toán, Lý, Hóa	4	19	
			B00	Toán, Hóa, Sinh			
			D07	Toán, Hóa, Tiếng Anh			
			D08	Toán, Sinh, Tiếng Anh			
15	Công tác xã hội	7760101	C00	Văn, Sử, Địa	36	19	
			C19	Văn, Sử, GD&CD			
			C20	Văn, Địa, GD&CD			
			D14	Văn, Sử, Tiếng Anh			
16	Quản lý đất đai	7850103	A00	Toán, Lý, Hóa	10	19	
			A01	Toán, Lý, Tiếng Anh			
			B00	Toán, Hóa, Sinh			
			D07	Toán, Hóa, Tiếng Anh			

*** Cách tính điểm xét tuyển (ĐXT):**

- Đối với các ngành **không có** môn chính

ĐXT = [(Điểm môn 1 + Điểm môn 2 + Điểm Môn 3)] (làm tròn đến hai chữ số thập phân) + điểm ưu tiên (KV + đối tượng).

- Đối với các ngành **có** môn chính

ĐXT = [(Điểm môn 1 + Điểm môn 2 + (Điểm Môn chính x 2)) x 3/4] (làm tròn đến hai chữ số thập phân) + điểm ưu tiên (KV + đối tượng).

DU
TA
ĐA
ĐON

2. Điều kiện xét tuyển

➤ Tốt nghiệp THPT hoặc tương đương;

➤ **Đối với các ngành đào tạo giáo viên:**

• Xét tuyển trình độ ĐH sử dụng kết quả học tập THPT: có học lực lớp 12 xếp loại giỏi hoặc điểm xét tốt nghiệp THPT từ 8,0 trở lên;

Riêng các ngành Giáo dục Thể chất và Huấn luyện thể thao người dự tuyển phải có học lực lớp 12 xếp loại từ khá trở lên hoặc điểm xét tốt nghiệp THPT từ 6,5 trở lên; nếu tuyển sinh các thí sinh là vận động viên cấp 1, kiện tướng, vận động viên đã từng đoạt huy chương tại Hội khỏe Phù Đổng, các giải trẻ quốc gia và quốc tế hoặc giải vô địch quốc gia và quốc tế hoặc có điểm thi năng khiếu do trường tổ chức đạt loại xuất sắc (từ 9,0 trở lên theo thang điểm 10,0) thì điểm trung bình cộng xét tuyển kết quả học tập THPT tối thiểu là 5,0 trở lên;

Các ngành Sư phạm Âm nhạc, Sư phạm Mỹ thuật người dự tuyển phải có học lực lớp 12 xếp loại từ khá trở lên hoặc điểm xét tốt nghiệp THPT từ 6,5 trở lên; nếu thí sinh có điểm thi năng khiếu do trường tổ chức đạt loại xuất sắc (từ 9,0 trở lên theo thang điểm 10,0) thì điểm trung bình cộng xét tuyển kết quả học tập THPT tối thiểu là 5,0 trở lên.

• Xét tuyển trình độ cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non người dự tuyển phải có học lực lớp 12 xếp loại khá trở lên hoặc điểm xét tốt nghiệp THPT từ 6,5 trở lên.

• Ngoài ra, các ngành có môn Năng khiếu trong tổ hợp xét tuyển: ngành Giáo dục Mầm non (môn Năng khiếu GDMN), ngành Giáo dục Thể chất (môn Năng khiếu TDTT), ngành Sư phạm Âm nhạc (môn Năng khiếu Hát và môn Năng khiếu Thẩm âm – Tiết tấu), ngành Sư phạm Mỹ thuật (môn Năng khiếu Trang trí và môn Năng khiếu Hình họa), thí sinh cần có điểm môn Năng khiếu để tạo thành tổ hợp xét tuyển. Thí sinh có thể tham dự kỳ thi Năng khiếu do Trường ĐHTT tổ chức hoặc lấy kết quả thi năng khiếu từ trường đại học khác để làm điều kiện tham gia xét tuyển và có kết quả từ 5,0 trở lên.

➤ **Đối với các ngành không thuộc lĩnh vực đào tạo giáo viên:** Điểm tổ hợp các môn xét tuyển kết quả học tập lớp 12 THPT đạt từ 18,0 trở lên hoặc điểm Trung bình cả năm lớp 12 đạt từ 6,0 trở lên.

3. Thời gian nhận hồ sơ xét tuyển

➤ Đợt 3: 25/10/2020 đến 20/11/2020

4. Hồ sơ xét tuyển gồm

➤ Phiếu đăng ký xét tuyển (theo mẫu 1);

➤ Bản photocopy công chứng học bạ THPT;

➤ Giấy chứng nhận ưu tiên (nếu có);

➤ Một phong bì đã dán sẵn tem và ghi rõ địa chỉ liên lạc của thí sinh;

➤ Phí xét tuyển: 30.000 đồng/ nguyện vọng. (Nộp trực tiếp hoặc qua đường bưu điện)

5. Hình thức nhận đăng ký xét tuyển

Thí sinh có thể đăng ký xét tuyển bằng 03 hình thức:

➤ Đăng ký trực tuyến tại website: www.tuyensinh.dthu.edu.vn

➤ Nộp hồ sơ trực tiếp tại Trường Đại học Đồng Tháp

➤ Gửi hồ sơ qua đường bưu điện theo địa chỉ: Phòng Đảm bảo chất lượng - Trường Đại học Đồng Tháp

SỞ
HỌ
THÁ

học Đồng Tháp; 783, Phạm Hữu Lầu, Phường 6, Tp.Cao Lãnh, Đồng Tháp

6. Các thông tin cần thiết khác để thí sinh ĐKXT vào các ngành của trường

➤ Mã trường tuyển sinh: **SPD**.

➤ Mã ngành xét tuyển xem mục 1.

➤ Điểm xét tuyển giữa các tổ hợp môn thi trong cùng 01 ngành là bằng nhau.

➤ Trường ĐHĐT không sử dụng kết quả miễn thi môn ngoại ngữ. Không sử dụng điểm thi THPT quốc gia các năm trước để xét tuyển.

- Riêng đối với các ngành có môn Năng khiếu trong tổ hợp xét tuyển: Giáo dục Mầm non, Giáo dục Thể chất, Sư phạm Âm nhạc, Sư phạm Mỹ thuật ngoài các môn văn hóa (*dựa vào kết quả học tập lớp 12 THPT*), thí sinh phải đăng ký dự thi các môn Năng khiếu do Trường ĐHĐT tổ chức hoặc lấy kết quả thi năng khiếu từ trường đại học khác để làm điều kiện tham gia xét tuyển và có kết quả từ 5,0 trở lên.

7. Chính sách ưu tiên: Theo quy định của Bộ GD&ĐT

8. Thông tin trực hỗ trợ để giải đáp thắc mắc trong quá trình đăng ký dự thi, đăng ký xét tuyển đại học hệ chính quy; tuyển sinh cao đẳng, tuyển sinh trung cấp nhóm ngành đào tạo giáo viên hệ chính quy năm 2020

Địa chỉ website tuyển sinh của trường: www.tuyensinh.dthu.edu.vn

Thông tin trực hỗ trợ để giải đáp thắc mắc:

STT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Điện thoại	Email
1	Nguyễn Quốc Tuấn	Tổ trưởng tổ khảo thí, Phòng ĐBCL	0277. 3882258	nqtuan@dthu.edu.vn
2	Nguyễn Trí Túc	Chuyên viên, Ban tư vấn SV	0277. 3995599	nttuc@dthu.edu.vn
3	Bùi Ngọc Ngà	Chuyên viên, Ban tư vấn SV	0277. 3995599	bnnga@dthu.edu.vn

Mọi thông tin chi tiết liên quan đến kết quả xét tuyển, thí sinh vui lòng gọi về số điện thoại: (0277)3882258 hoặc liên hệ trực tiếp tại Phòng Đảm bảo chất lượng - Trường Đại học Đồng Tháp - Số 783 Phạm Hữu Lầu, Phường 6, Thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp để được giải đáp. / *nhân*

Nơi nhận:

- Lãnh đạo trường;
- Các đơn vị trong trường;
- www.tuyensinh.dthu.edu.vn;
- Lưu: VT, ĐBCL, T.

TM. HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG

[Signature]
TS. Lương Thanh Tân

P. Hiệu trưởng Trường ĐH Đồng Tháp